

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HS-ST

Ngày 06-8-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Kiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:* Ông Võ Quốc Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý theo thủ tục rút gọn số 70/2019/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử rút gọn số 61/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981 tại Kiên Giang; cư trú: ấp S, xã NT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm biển; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông: Nguyễn Thanh B (chết) và bà Lê Thị N, sinh năm 1963; anh, chị, em ruột: 04 người; vợ: Trần Thị G, sinh năm 1981; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/6/2019, đến ngày 29/6/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Bị cáo thứ hai: **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1985 tại Kiên Giang; cư trú: ấp RC, xã TY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Tài công; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; con ông: Huỳnh Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952; anh, chị, em ruột: 12 người; vợ: Trần Thị A, sinh năm 1988; con: 03 người; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/6/2019, đến ngày 29/6/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Bị cáo thứ ba: **Dương Văn T1**, sinh năm 1981 tại Cà Mau; cư trú: Khóm D, thị trấn S, huyện TT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Chạy đò dọc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; con ông: Dương Văn T (chết) và bà Lâm Thị T (chết); anh, chị, em ruột: 07 người; vợ: Lê Thị L, sinh năm 1982; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/6/2019, đến ngày 29/6/2019 chuyển sang tạm giam và đến ngày 21/7/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại đến nay (có mặt).

- Bị cáo thứ tư: **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1980 tại Cà Mau; cư trú: Khóm S, thị trấn S, huyện TT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Chạy đò dọc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; anh, chị, em ruột: 02 người; vợ: Lê Thị P, sinh năm 1982; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/6/2019, đến ngày 29/6/2019 chuyển sang tạm giam và đến ngày 20/7/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại đến nay (có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1954 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số N đường TH, khu phố 4, phường VV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

+ Chị Lê Thị P, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn B là tài công lái ghe biển H Vân số hiệu KG 925... (ghe đực) do ông Huỳnh Văn H làm chủ. Khoảng 10 giờ ngày 26/6/2019 sau khi đến vựa Q thuộc khóm A, thị trấn S, huyện TT để lấy nước đá xuống ghe thì ông H giao ghe biển này và toàn bộ máy móc, nhiên liệu, trang thiết bị trên ghe cho B quản lý và kêu B lái ghe ra biển gặp ghe cái để cùng đánh bắt thủy sản. Ông H kêu Nguyễn Văn T đi cùng với B ra biển để dàn xếp việc các ngư phủ do T giới thiệu đi làm ngư phủ trên ghe cái nhưng đòi vào bờ. Sau khi giao ghe cho B, ông H về nhà ở tỉnh Kiên Giang.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, B điều khiển ghe biển được giao quản lý nêu trên chạy hướng ra cửa biển S, trên ghe chỉ có B và T. Khi ghe chạy còn cách trạm kiểm soát Đồn Biên phòng S khoảng 1km thì máy ghe bị hư nên B neo ghe lại sửa máy. T và B ngồi trong ca bin thì T rủ B lấy dầu Diesel (D.O) dùng để chạy máy ghe bán mua bia nhậu và lấy tiền chi xài thì B đồng ý. Sau đó, có Nguyễn Minh V chạy đò dọc ngang qua, T lấy đèn pin làm tín hiệu gọi V ghé vào và kêu V lên ghe ngồi nói chuyện. T hỏi V “có mua dầu không để sinh sửa bán một ít lấy tiền xài” (nghĩa là kêu V kiếm chỗ nào để bán dầu của ghe lấy tiền xài), V nói để điện cho người bạn mua. V điện thoại cho Dương Văn T1 là bạn cùng làm nghề chạy đò dọc, hỏi T1 có mua dầu không, T1 hỏi bán bao nhiêu một lít thì V đưa điện thoại của V cho T nói chuyện với T1. T1 nói với T là mua với giá 10.000 đồng/lít dầu

Diesel (D.O). T hỏi B là giá 10.000 đồng/lít bán không thì B đồng ý bán. V điện thoại cho T1 hay là B và T đã đồng ý bán dầu, T1 hẹn V gặp nhau tại bến đò Chợ Lớn để bàn việc mua dầu. V xin số của T để liên hệ. T kêu V lấy cal đem ra đựng dầu.

Sau đó, V đến bến đò Chợ Lớn, thị trấn S gặp T1, T1 và V B rất rõ số dầu này do T và B lấy của chủ ghe biển bán lại nhưng vì giá rẻ nên đồng ý mua mục đích sẽ đem bán lại chia nhau tiền lời. V đưa số điện thoại của T cho T1, T1 điện thoại cho T hỏi bán bao nhiêu dầu thì T nói khoảng 1000 lít. T1 về nhà lấy 20 cal nhựa loại 30 lít mang qua bến đò Chợ Lớn rồi cùng với V đi đến tiệm Tân Xiêu Hué để mua thêm cal nhựa. Tại đây, V trực tiếp mua của anh Bùi Thanh T thêm 20 cal nhựa loại 30 lít. Sau đó V và T1 cùng đem 40 cal ra ghe đưa cho B và T để đựng dầu. Lúc này ghe biển do B quản lý đang neo đậu gần cửa biển S thuộc khóm 1, thị trấn S, huyện TT. Sau đó, T1 và V vào bên đò ngồi đợi T và B bơm dầu. Khoảng 30 phút sau, T điện thoại cho T1 nói đã hút dầu xong 1.200 lít, kêu đem số tiền 12.000.000 đồng ra trả. T1 kêu T bớt 1.000.000 đồng thì T và B đồng ý. T1 có tiền 10.000.000 đồng và mượn của V thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng 11.000.000 đồng để trả tiền mua dầu. Sau đó, T1 chạy vó ra ghe biển để lấy dầu.

T1 chạy đến cặp vào ghe biển thì T, B chuyển 40 cal (mỗi cal 30 lít), tổng cộng là 1.200 lít dầu Diesel (D.O) xuống cho T1. T1 đưa cho T 11.000.000 đồng rồi chạy vó chở dầu đi được khoảng 200m thì bị lực lượng Công an thị trấn S tuần tra kiểm soát trên sông phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số dầu nêu trên. Đến ngày 27/6/2019 Nguyễn Minh V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận định giá số 33/BBKL của Hội đồng định giá – Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời kết luận: Dầu Diesel (D.O) có giá 16.830 đồng/lít x 1.200 lít = 20.196.000 đồng.

Tại quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 74/QĐ-VKS ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo T, B, T1 và V tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Sau khi phân tích T chất nội dung của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và khẳng định quyết định truy tố bị cáo là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự phạt bị cáo B từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự phạt bị cáo T1 từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 đến 02 năm.

Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự phạt bị cáo V từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 đến 02 năm.

Giao bị cáo T1 và V cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”*.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào công quỹ nhà nước điện thoại và sim của T1, T và V; 40 cal nhựa.

Hoàn trả cho bị cáo B 01 điện thoại di động hiệu Mobilstar B221 bên trong có 02 sim.

Buộc T nộp số tiền 11.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này bị cáo đã nộp xong.

- Các bị cáo T, B, T1 và V xác định nội dung quyết định truy tố là đúng hành vi phạm tội của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T, B, T1, V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung quyết định truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Từ đó có căn cứ kết luận: Huỳnh Văn B lợi dụng việc được ông Huỳnh Văn H là chủ ghe biển KG 925... tin tưởng giao ghe này cùng toàn bộ tài sản máy móc, nhiên liệu trên ghe cho B quản lý nên đã cùng

với Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh V và Dương Văn T1 cấu kết với nhau để B và T bán 1.200 lít dầu Diesel (D.O) trị giá 20.196.000 đồng của ông Huỳnh Văn H dùng để chạy máy ghe biển cho T1 và V; bị cáo T1 và V B dầu không phải của bị cáo T và B nhưng vẫn cấu kết với nhau, đồng ý mua bán nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông H và bà Q. Do đó, quyết định truy tố các bị cáo tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả.*

[4] Áp dụng điều luật viện dẫn trên nhận thấy T chất, mức độ do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo không chỉ xâm hại đến tài sản của người khác một cách bất hợp pháp mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình, an ninh trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi cư trú. Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm nhưng mang T chất giản đơn, bị cáo T tham gia vai trò chính là rủ rê, đề xuất và trực tiếp bàn bạc, bán dầu và nhận tiền; bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã 02 lần bị Tòa án kết án vào năm 2002 và 2006 về tội trộm cắp tài sản, được xóa án tích nhưng bị cáo không B cải sửa. Bị cáo B tham gia với vai trò tích cực, bản thân là tài công và là người được giao trực tiếp quản lý tài sản nhưng khi nghe bị cáo T rủ rê, không B khuyên can mà ngược lại cùng T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mà bị cáo được giao quản lý. Nếu bị cáo B từ chối, không đồng ý lấy dầu bán thì tội phạm không xảy ra. Đối với bị cáo V và T1 B rõ dầu không phải của T và B, nhưng vì giá rẻ, lòng tham đã cấu kết với bị cáo T và B, nhận mua 1.200 lít dầu nhằm mục đích hưởng giá trị chênh lệch. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự về hành vi và hậu quả các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo T, B, T1 và V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo B, T1 và V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo T và B được bị hại là ông H xin giảm hình phạt. Bị cáo T có ông nội tham gia cách mạng và tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính khắc phục hậu quả. Bị cáo V có bà nội được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Các bị cáo

T, B, T1 và V có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Do đó, khi lượng hình Tòa án có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào T chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và nhằm đảm bảo T răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T và B vì cùng tham gia vai trò chính, là người tổ chức, hành vi nghiêm trọng hơn bị cáo T1 và V. Đối với bị cáo T1 và V phạm tội có vai trò không đáng kể trong vụ, bản thân chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú, địa chỉ thường trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần cho bị cáo T1 và V được hưởng án treo và có một khoản thời gian thử thách cũng có đủ điều kiện giáo dục bị cáo cải sửa trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông H và bà Q đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nào khác nên không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng: Đối với 40 cal nhựa loại 30 lít; 01 điện thoại di động hiệu OPPO bên trong có sim số 0918.977.718; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng bạc bên trong có hai sim số 0918.375.331 và 0918.835.331; 01 điện thoại Sam sung màu trắng, bạc bên trong có sim số 0886.343.024 và 11.000.000 đồng do bị cáo T nộp. Xét thấy, các vật chứng này dùng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mobilstar B221 bên trong có 02 sim vinaphone và viettel không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo B.

Đối với vỏ máy của bị cáo V và T1 dùng vào việc phạm tội, đây là phương tiện chạy đò tạo thu nhập chính trong gia đình bị cáo, hiện Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho gia đình bị cáo quản lý là có cơ sở nên không đặt ra xem xét.

[10] Đối với Bùi Thanh T bán cho Nguyễn Minh V 20 cal nhựa loại 30 lít nhưng không B V dùng số cal này để đựng dầu mua của T và B nên không đồng phạm với các bị cáo này. Vì vậy, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tân là có căn cứ.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Huỳnh Văn B, Dương Văn T1 và Nguyễn Minh V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù T từ ngày 27/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn B 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù T từ ngày 27/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Văn T1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/8/2019).

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh V 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/8/2019).

Giao bị cáo Dương Văn T1 và Nguyễn Minh V cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện TT, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”*.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 11.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính do bị cáo T nộp tại biên lai số 0005553 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời; 40 cal nhựa loại 30 lít; 01 điện thoại di động hiệu OPPO bên trong có sim số 0918.977.718; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng bạc bên trong có hai sim số 0918.375.331 và 0918.835.331; 01 điện thoại Sam sung màu trắng, bạc bên trong có sim số 0886.343.024.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn B 01 điện thoại di động hiệu Mobilstar B221 bên trong có 02 sim vinaphone và viettel.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2019 giữa Công an huyện Trần Văn Thời với Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Toà án: Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo T, B, T1 và V mỗi người phải nộp 200.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai báo cho các bị cáo và chị Lài, chị Phương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại ông H và bà Quyền có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Công an huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (01 bản);
- Người tham gia tố tụng (08 bản);
- Hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu Văn phòng (03 bản);

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Quốc Kiên**